

Bản án số: 233/2023/DS-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Tấn Thúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 133/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-DS ngày 31/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 135a/2023/QĐHPT-DS ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: 8 T, tổ C phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị H, Địa chỉ: C T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/04/2023, bản tự khai đề ngày 18/7/2023 của nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị T có cho bà Huỳnh Thị H mượn tiền với số tiền là 30.000.000 đồng đến tháng 12 năm 2021 bà T đòi tiền thì bà H không trả nên có viết giấy hẹn đến tháng 2 năm 2022 bà H sẽ trả cho bà T mỗi tháng 2 triệu đồng nhưng sau đó bà H chỉ trả cho bà T được 7 triệu thì không trả nữa. Bà H hẹn bà T đến khi nhận tiền bảo hiểm sẽ trả hết cho bà T nhưng mãi đến nay bà H trốn tránh không trả nợ. Bà H nhiều lần hứa hẹn nhưng không có thiện chí trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả hết số tiền còn nợ cho bà một lần là 23.000.000 đồng.

*** Bị đơn Huỳnh Thị H:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đến nơi cư trú của bà H, thuộc tổ F, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nhưng bà H vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết vụ án bà H không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, cũng như bản tự khai của nguyên đơn, trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa: thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền đã mượn còn nợ là 23.000.000 đồng. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H. Buộc bà Huỳnh Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền đã mượn còn nợ là 23.000.000 triệu đồng một lần, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn là bà Huỳnh Thị H để yêu cầu bà H trả số tiền mượn còn nợ theo giấy mượn tiền. Đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 116, Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản

2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay mượn còn nợ là 23.000.000 đồng.

Xét giấy mượn tiền do bà Huỳnh Thị H viết vào ngày 28/12/2019 có nội dung: bà Huỳnh Thị H mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng và hẹn trả hằng tháng cho bà T từ tháng 02/2022 mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến cuối năm 2022 bà H nhận tiền bảo hiểm xã hội sẽ thanh toán hết cho bà T. Quá trình vay mượn bà H đã trả cho bà T được 7.000.000 đồng và không trả nữa. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H hoàn trả số tiền đã mượn của bà T nhưng bà H luôn trốn tránh không trả nợ cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy mượn tiền ngày 28/12/2019 do bà H viết thể hiện bà Huỳnh Thị H có viết và ký giấy mượn tiền bà T số tiền 30.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết làm cùng công ty và tin tưởng nhau nên bà T đã cho bà H mượn tiền và không đòi nợ. Đến cuối năm 2021 bà T nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền thì bà H hứa hẹn đến tháng 02/2022 sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H chỉ mới trả được cho bà T số tiền 7.000.000 đồng và từ đó đến nay không trả và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H phải trả nợ cho bà T số tiền còn nợ 23.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Với chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền mà bà Huỳnh Thị H đã viết thể hiện bà H đã nhận đủ số tiền mượn của bà T là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đến bị đơn các văn bản tố tụng thể hiện nội dung bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ 23.000.000 đồng nhưng bà H không có trình bày, không có ý kiến phản hồi nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều đó thể hiện bà H từ bỏ quyền trình bày ý kiến và không có ý kiến phản bác nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay mượn đối với khoản tiền gốc còn nợ 23.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị H phải trả số tiền 23.000.000 đồng một lần cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 23.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $23.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.150.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Huỳnh Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Huỳnh Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T một lần số tiền **23.000.000 đồng** (hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Huỳnh Thị H phải trả, nếu bà Huỳnh Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu số tiền án phí: 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 575.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000679 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . ngày 31/5/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/9/2023.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA